TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-PT
Ngày 21-01-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Bà Trần Thị Ngọc Dung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tăng Thị Bích Trâm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long***: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2018/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 77/2018/HNGĐ-ST, ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A, sinh năm: 1979. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã HN, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh B, sinh năm: 1971. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã HN, huyện V, tỉnh Vĩnh Long

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị A, bị đơn anh B cùng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Năm 1999, sau thời gian quen biết và tìm hiểu chị A và anh B tiến hành kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn LH cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/4/1999; sau khi kết hôn, chị A và anh B sinh sống hạnh phúc tại ấp H, xã HN, huyện V.

Về mâu thuẫn trong hôn nhân:

Chị A xác định: Năm 2013 giữa chị A và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải, anh B không phụ giúp chị A chăm lo kinh tế gia đình nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; chị A và anh B đã tự thỏa thuận phân chia tài sản từ năm 2013. Chị A và anh B đã sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh B.

Anh B xác định: Năm 2015 hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B làm ăn thất bại nên không chăm lo cho cuộc sống của vợ con, không lo phát triển kinh tế của gia đình, chị A có người đàn ông khác nên anh B ghen tuông dẫn đến cự cải, anh B và chị A đã sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Anh B còn tình cảm với chị A nên xin đoàn tụ, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A.

Về con chung: Chị A và anh B cùng xác định có hai con chung gồm:

HBN, sinh ngày 11/10/1999, hiện đã trưởng thành; chị A, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

HBA, sinh ngày 08/4/2003, hiện đang sống chung với chị A. Khi ly hôn chị A yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh B không có ý kiến và yêu cầu gì.

Về tài sản chung, các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị A, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 77/2018/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện VL đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Cho chị A được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị A và anh B thống nhất xác định cháu HBN, sinh ngày 11/10/1999 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Giao con chung cháu HBA, sinh ngày 08/4/2003 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xác đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18 tháng 10 năm 2018, bị đơn anh B có đơn kháng cáo với nội dung: Xin Tòa án bác yêu cầu xin ly hôn của chị A vì thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn hàn gắn, mâu thuẫn không lớn, xin được đoàn tụ.

Tại phiên tòa, anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được đoàn tụ. Chị A xác định không còn tình cảm với anh B, chị cương quyết xin ly hôn.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long trình bày:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý đến khi giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự tham gia phiên tòa cũng chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của anh B là chưa đủ cơ sở chấp nhận; bởi lẽ, anh B và chị A bất đồng quan điểm sống, đã ly thân nhau, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa chị A cũng không đồng ý đoàn tụ. Án sơ thẩm xử cho chị A được ly hôn với anh B là phù hợp theo quy định của pháp luật; nên không chấp nhận kháng cáo của anh B. Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; không chấp nhận kháng cáo của anh B; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 77/2018/HNGĐ-ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm. Anh B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị A và anh B kết hôn năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn LH nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung hạnh phúc, đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh B không quan tâm gia đình, không chăm lo phát triển kinh tế gia đình, tình cảm vợ chồng không còn, thường

xuyên cải nhau, anh B nghi ngờ chị A không chung thủy; vợ chồng không sống chung từ tháng 6/2018. Xét thấy, hôn nhân giữa chị A và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng; anh B, chị A không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, không quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau và cũng không sống chung nhau; chị A xác định không còn tình cảm với anh B, chị cương quyết xin ly hôn, nên cấp sơ thẩm cho chị A ly hôn với anh B là có căn cứ đúng quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Anh B kháng cáo xin đoàn tụ, nhưng anh B cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa anh và chị A đã trầm trọng, vợ chồng không còn sống chung nhau, chị A không đồng ý đoàn tụ, anh B cũng không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng; do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh B.

[2] Về con chung: Chị A, anh B có 2 con chung là HBN, sinh ngày 11/10/1999 đã trưởng thành, HNA, sinh ngày 08/4/2003, hiện cháu Huỳnh HBA đang sống chung với chị A. Cháu A có nguyện vọng sống chung chị A, nên tiếp tục giao cháu A cho chị A nuôi dưỡng là có căn cứ. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, nên tòa không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tòa không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tòa không xem xét.

[5] Về án phí: Anh B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[7] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh B; giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 77/2018/HNGĐ-ST, ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A. Cho chị A ly hôn với anh B.

Về con chung: Giao con chung HBA, sinh ngày 08/4/2003 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom,chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Chị A phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009101 ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Vĩnh Long, chị A đã nộp đủ.

Anh B phải chịu tiền án phí phúc thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009320 ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Vĩnh Long, anh B đã nộp đủ.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TAND HVL: 01;
- CQTHADS HVL: 01;
- NKC, Đ/S: 02;
- Lưu Tòa Dân sự: 01;
- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kiều Duyên